

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Quốc Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 516/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nai M, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Bá H trình bày:

Tôi và chị Nai M quen biết nhau và kết hôn vào năm 2010, sau đó đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100/2012, quyển số 01/2012 ngày 13/9/2012. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tôi làm nghề lái xe tải đường dài có thời gian thu nhập ít nên tôi gửi tiền về ít vợ tôi cự cãi làm cho vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Khoảng 02 năm trước đây chị M ghen tuông cho rằng tôi quen với người phụ nữ khác. Trong cuộc sống gia đình vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi nhau liên quan đến tiền bạc, khi thu nhập tôi ít tôi đưa tiền ít chị M cự cãi với tôi làm cho đời

sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng tôi sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, tôi chạy xe tải đường dài nên ít về nhà, thỉnh thoảng mới về nhà thăm con được vài tiếng trong ngày rồi đi. Do mâu thuẫn kéo dài, tình cảm không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với chị Mơ.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 07/9/2010, Nguyễn Yến V1, sinh ngày 13/6/2017 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 28/11/2018. Hiện nay 03 người con chung sinh sống với chị Mùng cha mẹ tôi, ly hôn tôi giao 03 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 24/10/2022, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Nai M trình bày:

Về thời gian kết hôn và con chung tôi thống nhất với lời trình bày của anh H. Tôi không đồng ý ly hôn với anh H do tôi còn tình cảm với anh H. Tôi phát hiện anh H chụp hình với người phụ nữ khác nên có nói cho anh H biết và anh H nói chỉ là bạn bè, sự việc đó xảy ra nhiều năm rồi. Trong quá trình sống chung vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì lớn nên tôi không đồng ý ly hôn. Cha mẹ chồng tôi hòa giải để chúng tôi đoàn tụ lo cho các con chung nhưng không có kết quả.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 07/9/2010, Nguyễn Yến V1, sinh ngày 13/6/2017 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 28/11/2018. Từ trước đến nay 03 người con chung này sinh sống với tôi và cha mẹ anh H, nếu phải ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với chị M, chị M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, anh Nguyễn Bá H yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu về hôn nhân, nuôi con chung với chị Nai M nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nai M có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh H và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100/2012, quyền số 01/2012 ngày 13/9/2012 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Anh H trình bày mâu thuẫn gia đình anh xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình, anh H làm nghề lái xe tải đường dài, có thời điểm dịch bệnh thu nhập thấp anh H đưa tiền cho chị M ít nên chị M cự cãi với anh, ngoài ra cách nay khoảng 02 năm chị M cho rằng anh quen với người phụ nữ khác nên từ đó phát sinh mâu thuẫn cãi nhau. Chị M cho rằng trong cuộc sống gia đình vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên chỉ là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng có khả năng hòa giải. Việc anh H đưa tiền ít chị không có ý kiến hay cự cãi gì, còn vấn đề chị nghi ngờ anh H quen với người phụ nữ khác đã diễn ra cách đây 02 năm và vợ chồng chị cũng đã giải quyết xong. Do đó mâu thuẫn gia đình là không lớn, hoàn toàn có khả năng hòa giải. Ngoài ra chị M trình bày còn tình cảm với anh H nên mong muốn được đoàn tụ để lo cho các con chung.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị M chủ yếu xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình và ghen tuông. Tuy nhiên chỉ là mâu thuẫn nhỏ, tạm thời, không trầm trọng, có thể hàn gắn. Chị M cũng có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho 03 con chung. Mặc khác 03 người con chung của anh H, chị M còn nhỏ, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và cuộc sống của các con. Do đó xét thấy hôn nhân của anh H và chị M có khả năng hàn gắn, chưa đủ các điều kiện ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu khởi kiện của anh H là không có cơ sở.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H nên Hội đồng xét xử không xem xét các vấn đề về con chung, nợ chung và tài sản chung.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Bá H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá H xin ly hôn với chị Nai M.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Bá H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0016649 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên anh H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Bá H, chị Nai M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang